TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1244**/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 26 – 12 – 2023
V/v Tranh chấp ly hôn, tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Tùng Lâm.

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2023/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, tài sản chung".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 553/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H bị ông Lê Thanh H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5549/2023/QĐXXPT – HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Số 104/9 tổ 4, khu phố TH, phường TVH, thành phố TU, tỉnh BD.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Số 205/8A11, đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh H về phần tài sản chung: Ông Lâm Bình K, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 05 đường TQK, phường TĐ, Quận Z, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh H: Ông Trần Cao C – Luật sư Công ty Luật hợp danh TC thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H cấp ngày 12/12/2014, có với nhau 01 con chung tên là Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016.

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/02/2023 và lời khai của bà Bùi Thị L là nguyên đơn trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình ông H tại số 32D LCH, Phường X, Quận Y, Thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm, từ khi bà L sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông H không quan tâm vợ con, tiền bạc ông H làm ra và sử dụng như thế nào không cho bà L biết. Ông H không phụ giúp bà L chăm sóc con và gia đình, nhưng mẹ chồng thường trách móc bà L, làm cho bà L chịu áp lực về lối sống của mẹ chồng, có những lần xảy ra cãi vã với mẹ chồng thì ông H đã đứng về phía mẹ chồng chửi mắng và hành hung bà L. Ngày 23/10/2022 ông H có đánh bà L bầm tím người vì con trai bà L đùa giỡn và có hành động không đúng với mẹ chồng. Bà L yêu cầu ông H ra ngoài ở riêng nhưng ông H không đồng ý. Trong cuộc sống vợ chồng, cả hai không có tiếng nói chung, bà L không thể tâm sự hay nói chuyện được với ông H những tâm tư trong cuộc sống hàng ngày, và ông H không ghi nhận sự hy sinh của vợ trong việc chăm sóc gia đình. Khi có chuyện gì sai ông H luôn đổ lỗi cho bà L không biết dạy con dù ông H không phụ giúp dạy dỗ con. Từ đó bà L nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng nhiều và nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay. Ông H cũng không chia sẻ điều gì với bà L, và đã có lần yêu cầu bà L "biến khỏi nhà này". Từ khi bà L nộp đơn ly hôn đến nay ông H chưa bao giờ chủ động gọi điện thoại hay nhắn tin để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thậm chí còn né tránh gặp bà L. Nay bà Bùi Thị L nhận thấy ông H không thay đổi, không có biểu hiện yêu thương vợ, khi đến Tòa trình bày hòa giải nhưng những lời nói của ông H đều là giả tạo, nên bà L xác định không còn tin tưởng ông H và cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông H, hiện bà L đã bị tổn thương nhiều nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không thể tiếp tục chung sống với ông H dù có ra ở riêng. Vì vậy, bà Bùi Thị L yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Bùi Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016 hiện đang sống cùng với bà L. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì từ nhỏ bà L là người trực tiếp chăm sóc con, nên biết được sở thích và tính cách của con. Bà L có công việc là kế toán tại Công ty TNHH Một thành viên CH với thu nhập 12.000.000đồng/tháng nên bà L đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị L xác định có những tài sản chung với ông Lê Thanh H gồm: 01 thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BD cấp ngày 25/3/2019 đứng tên ông Lê Thanh H (bản chính Giấy chứng nhận này do bà L đang giữ). Bà L yêu cầu được nhận thửa

đất và sẽ giao lại cho ông H ½ giá trị trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Tiền gửi tiết kiệm là 1.300.000.000đồng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam đứng tên người gửi ông Lê Thanh H. Bà L yêu cầu chia đôi số tiền này, ông H là người giữ số tiền này nên có nghĩa vụ chia lại cho bà L 650.000.000đồng; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại VARIO đứng tên ông Lê Thanh H theo chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có biển số AAK2-256.74, bản chính giấy đăng ký xe do ông H giữ, còn bà L hiện đang sử dụng chiếc xe này. Bà L yêu cầu chia đôi tài sản này bằng cách ông H thanh toán lại ½ giá trị xe và ông H sẽ sở hữu xe này sau khi thanh toán cho bà L. Tại phiên tòa, bà L đồng ý với giá trị xe và thửa đất nêu trên theo biên bản định giá ngày 13/7/2023 và 09/8/2023.

Các tài sản nêu trên có được từ thu nhập của ông H kiếm được trong thời kỳ hôn nhân và bà L cũng phải ở nhà chăm sóc con và làm công việc gia đình nên phải được nhận ½ giá trị các tài sản này.

Về nợ chung: Bà L xác định không có nợ chung với ông H.

Ông Lê Thanh H là bị đơn trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình ông H tại số 32D LCH, Phường X, Quận Y, Thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016-2017 vợ chồng cãi vã do bất đồng trong quan điểm chăm sóc con và bà L đã gom tài sản của vợ chồng về quê, từ đó ông H mất lòng tin với bà L nên không chia sẻ về tài chính với bà L. Từ năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vào tháng 10/2022 khi ông H ở trên lầu nghe được bà L có trả lời lại với mẹ ông H và biết được sự việc xảy ra, do nóng tính ông H có đánh vào bắp tay bà L hai cái. Sau đó ông H biết lỗi nên chủ động nhiều lần xin lỗi bà L. Ông H cũng có chăm sóc con bằng việc pha sữa cho con. Vì nhất thời nóng tính nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chứ ông H xác định vẫn còn thương bà L, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con chung. Ông H mong bà L suy nghĩ lại cho ông H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Ông H sẽ ổn định công việc rồi về BD sống cùng bà L và con. Ông Lê Thanh H xác định vẫn còn tình cảm với bà Bùi Thị L nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, ông H trình bày chưa có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn, ông Lê Thanh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016 hiện đang sống cùng với bà L. Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông H đồng ý với yêu cầu của bà L là giao con tên Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Ông Lê Thanh H xác định những tài sản mà bà L trình bày là tài sản riêng của ông H gồm: 01 thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BD cấp ngày 25/3/2019 đứng

tên ông Lê Thanh H (bản chính Giấy chứng nhận này do bà L đang giữ). Thửa đất này do ông H mua 700.000.000đồng từ tiền làm ăn ông H có được và tiền của cha ông H cho 200.000.000đồng; Tiền gửi tiết kiệm là 1.300.000.000đồng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam đứng tên người gửi ông Lê Thanh H. Đây là số tiền ông cũng có được từ công việc làm ăn, nhưng hiện tại số tiền này ông đã dùng hết do thua cá độ đá gà ở biên giới Campuchia khoảng 900.000.000đồng số còn lại dùng để trả nợ làm ăn; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại VARIO đứng tên ông Lê Thanh H theo chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có biển số AAK2-256.74. Tiền mua chiếc xe này là tiền của ông H có được từ công việc làm ăn của ông H và hiện ông H đang giữ bản chính giấy đăng ký xe.

Tại phiên tòa, ông H đồng ý chia đôi cho bà L hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD, và ½ giá trị xe máy hiệu Honda loại Vario biển số AAK2-256.74. Ông H yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD và xe máy hiệu Honda loại Vario biển số AAK2-256.74 và thanh toán lại cho bà L ½ giá trị hai tài sản này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông H đồng ý với giá trị thửa đất và xe nêu trên theo biên bản định giá ngày 13/7/2023 và 09/8/2023.

Ông H không đồng ý chia số tiền 1.300.000.000đồng gửi tiết kiệm, vì đây là tiền do ông H kiếm được và hiện đã sử dụng hết.

Về nợ chung: Ông H xác định không có nợ chung với bà L.

Ngoài ra, bà L có trình bày về xe máy nhãn hiệu HONDA, số hiệu AIR BLADE đứng tên ông Lê Thanh H theo chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có biển số AAK1-775.99 là của riêng ông H. Ông H có trình bày về việc bà L có giữ số tiền 160.000.000đồng gửi Ngân hàng OCB, nhưng ông H không tranh chấp và để cho bà L sử dụng số tiền này nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 553/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H đã nhận định:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H cấp ngày 12/12/2014. Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H là hợp pháp.

Xét: Khi bà Bùi Thị L có đơn xin ly hôn, ông Lê Thanh H có lời khai tại bản tự khai đề ngày 27/02/2023 là không đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án nhân dân Quận Y đã tổ chức phiên hòa giải vào các ngày 15/3/2023, ngày 02/8/2023, ngày 09/8/2023 để hai bên có thể trình bày ý kiến nhằm giải tỏa vướng mắc của vợ chồng, xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Bà Bùi Thị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khi bà L sinh con, do bà L chịu áp lực về lối sống của mẹ chồng và ông H đã đứng về phía mẹ chồng

chửi mắng và hành hung bà L. Trong cuộc sống vợ chồng, ông H không có sự quan tâm, chia sẻ công việc gia đình và không chia sẻ về tài chính với bà L. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H.

Ông Lê Thanh H trình bày khoảng năm 2016-2017 khi bà L gom tài sản của vợ chồng về quê thì ông H đã mất lòng tin với bà L, và từ năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vào tháng 10/2022 ông H ở trên lầu nghe được bà L có trả lời lại với mẹ ông H và biết được sự việc xảy ra, vì vậy ông H có đánh vào bắp tay bà L hai cái. Sau đó ông H biết lỗi nên chủ động nhiều lần xin lỗi bà L. Ông H cũng có chăm sóc con bằng việc pha sữa cho con. Do nhất thời nóng tính nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chứ ông H xác định vẫn còn thương bà L, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con chung. Ông H sẽ ổn định công việc rồi về BD sống cùng bà L và con để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Tuy nhiên, bà L đã trình bày bà nhận thấy ông H không thay đổi, không có biểu hiện yêu thương vợ, khi đến Tòa trình bày hòa giải nhưng những lời nói của ông H đều là giả tạo, nên bà L xác định không còn tin tưởng ông H và cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông H. Đồng thời, tại phiên hòa giải ngày 09/8/2023 ông H mặc dù có tham gia phiên hòa giải nhưng sau khi hòa giải đoàn tụ không thành ông H đã tự ý bỏ về không ký biên bản. Chứng tỏ ông H đã không để tâm đến việc hòa giải đoàn tụ, không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không tôn trọng pháp luật.

Như vậy, giữa bà L và ông H đã có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên dẫn đến việc cả hai sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà L và ông H có những bất đồng trong quan điểm sống, không thể hòa hợp với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn đối với ông Lê Thanh H và ông H chưa có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được. Điều này cho thấy, tình nghĩa vợ chồng của bà L và ông H không còn như Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã nêu: "1.Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…".

Chính vì vậy có cơ sở khẳng định hôn nhân của bà L và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị L có cơ sở kết luận việc bà L xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện xuất phát từ mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Về nuôi con chung:

Căn cứ lời khai của bà Bùi Thị L, ông Lê Thanh H và giấy khai sinh số 34 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y cấp ngày 03/02/2016, có đủ cơ sở xác định

bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H có 01 (một) con chung tên là Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016.

Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Trong quá trình giải quyết, ông H cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con.

Xét: Theo biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 27/02/2023 trẻ Lê Gia P có trình bày nguyện vọng được sống với mẹ, đồng thời hiện trẻ P đang sống cùng bà L nên việc bà L trực tiếp nuôi con sẽ tạo sự ổn định cho trẻ phát triển, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ và tại phiên tòa ông H đã đồng ý giao bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao trẻ Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016 cho bà Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị L không yêu cầu ông Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN là CT37018 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 25/3/2019 có cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Thanh H ngày 06/8/2019 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số LK-F/06/HĐCN/2019/TĐP2 ngày 11/7/2019 thể hiện ông Lê Thanh H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD vào năm 2019.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 069749 do Công an Quận Y cấp ngày 02/4/2018 và lời khai của đương sự cho thấy xe máy hiệu Honda loại Vario biển số AAK2-256.74 được tạo lập vào năm 2018.

Theo công văn số 065/2023/EIB.BP/DVKH ngày 13/7/2023 của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam có đính kèm bản sao kê tài khoản thể hiện ngày 09/11/2022 ông H có gửi tiết kiệm số tiền tổng cộng là 1.300.000.000đồng (tài khoản số 210050101009425 là 600.000.000đồng và số 210050101009424 là 700.000.000đồng).

Như vậy, cả 03 tài sản nêu trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông H. Nên căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD; xe máy hiệu Honda loại Vario biển số AAK2-256.74 và 1.300.000.000đồng tiền ông H gửi tiết kiệm ngày 09/11/2022 tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam là tài sản chung của bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H.

Phân chia tài sản chung:

Bà L yêu cầu chia đôi quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD và xe máy biển số AAK2-256.74. Và tại phiên tòa, ông H đồng ý chia cho bà L ½ giá trị thửa đất và xe máy nêu trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo biên bản định giá ngày 13/7/2023 và trích lục bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TUn cấp ngày 12/6/2023 quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD có giá trị là 8.000.0000đồng/m^2 x 75m^2 = 600.000.000đồng. Bà L và ông H mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tương đương 300.000.000đồng.

Bà L yêu cầu được nhận đất và thanh toán lại cho ông H 1/2 giá trị quyền sử dụng đất trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông H cũng yêu cầu được nhận đất và thanh toán lại cho bà L 1/2 giá trị quyền sử dụng đất trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp giao đất bà L nhận thì ông H đồng ý bà L thanh toán lại phần của mình trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Và trong trường hợp giao tài sản cho ông H nhận thì bà L đồng ý ông H thanh toán lại phần của mình trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét bà Bùi Thị L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời bà L và trẻ P hiện đang cư trú tại thị xã TU, tỉnh BD, vì vậy căn cứ khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp vợ, con chưa thành niên ....*", nên bà L được quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD và có nghĩa vụ thanh toán cho ông H 1/2 giá trị quyền sử dụng đất này trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà L không thanh toán cho ông H 1/2 giá trị quyền sử dụng đất nêu trên thì bà L và ông H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD để phân chia theo tỷ lệ nêu trên.

Theo biên bản định giá ngày 09/8/2023 giá trị xe máy là 48.000.000đồng, bà L và ông H mỗi người được hưởng ½ giá trị tương đương 24.000.000đồng.

Bà L tự nguyện giao cho ông H sở hữu xe máy này, nên ông H được toàn quyền sở hữu xe máy biển số AAK2-256.74 và thanh toán cho bà L 1/2 giá trị xe máy trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông H không thanh toán cho bà L 1/2 giá trị xe máy nêu trên thì bà L và ông H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để phân chia theo tỷ lệ vừa nêu.

Theo công văn số 065/2023/EIB.BP/DVKH ngày 13/7/2023 của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam có đính kèm bản sao kê tài khoản thể hiện ngày 10/11/2022 tài khoản gửi tiết kiệm 1.300.000.000đồng có số dư là 00đồng, hiện tài khoản đã đóng. Ông H trình bày đã sử dụng hết số tiền này để trả nợ và thua cờ bạc, nhưng không có chứng cứ chứng minh, phía bà L trình bày không biết và không thống nhất ông H sử dụng vào mục đích vừa nêu. Như vậy, ông H là người giữ số tiền 1.300.000.000đồng không sử dụng số tiền này để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và không có sự thống nhất của bà L trong việc sử dụng tiền, nên ông H phải có nghĩa vụ phân chia tài sản chung đối với số tiền này.

Bà L và ông H xác định toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm nêu trên có từ thu nhập của ông H, nên ông H có công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản này nhiều hơn bà L. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, số tiền nêu trên ông H được hưởng 7/10 là 910.000.000đồng và bà L được hưởng 3/10 là 390.000.000đồng. Do ông H là người đã rút số tiền này nên có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà L 390.000.000đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị L đã nộp 6.000.000đồng tiền tạm ứng chi phí định giá giá trị thửa đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD; xe máy hiệu Honda loại Vario biển số AAK2-256.74. Hai tài sản này được chia đôi cho bà L và ông H, nên căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L và ông H mỗi người chịu ½ chi phí định giá. Do đó, ông H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà L chi phí định giá tài sản là 3.000.000đồng.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị L được ly hôn ông Lê Thanh H.

Về nuôi con chung:

Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H có 01 (một) con chung tên là Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016.

Giao cho bà Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con tên Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị L không yêu cầu ông Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Về chia tài sản chung khi ly hôn:

- Xác định quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD; xe máy hiệu Honda loại Vario và 1.300.000.000đồng tiền ông Hoàng gửi tiết kiệm ngày 09/11/2022 (rút ngày 10/11/2022) tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam, là tài sản chung của bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H.

Bà Bùi Thị L được quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN là CT37018 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 25/3/2019 có cập nhật cho ông Lê Thanh H đứng tên ngày 06/8/2019) và có nghĩa vụ thanh toán cho ông H 1/2 giá trị quyền sử dụng đất này (tương đương

300.000.000đồng) trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Khi bà L đã thanh toán cho ông H đủ số tiền tương đương 1/2 giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD, thì bà L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Trường hợp bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ trong thời hạn nêu trên thì bà L và ông H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 1529, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 tọa lạc tại địa chỉ: xã VT (nay là phường VT), thị xã TU, tỉnh BD để phân chia cho bà L và ông H mỗi người nhận ½ giá trị sau khi trừ các chi phí cho việc phát mãi.

Ông Lê Thanh H được toàn quyền sở hữu xe máy hiệu Honda loại Vario biển số AAK2-256.74 (có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 069749 do Công an Quận Y cấp ngày 02/4/2018 cho ông Lê Thanh H đứng tên) và thanh toán cho bà Bùi Thị L 1/2 giá trị xe máy này (tương đương 24.000.000đồng) trong trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Khi ông H đã thanh toán đủ cho bà L thì bà L có nghĩa vụ giao xe này cho ông H.

Trường hợp ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ trong thời hạn nêu trên thì bà L và ông H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản này để phân chia cho bà L và ông H mỗi người nhận ½ giá trị sau khi trừ các chi phí phát mãi.

Ông Lê Thanh H thanh toán lại cho bà Bùi Thị L 390.000.000 (ba trăm chín mươi triệu) đồng là 3/10 tiền ông H gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam vào ngày 09/11/2022 và đã rút ngày 10/11/2022.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H khai không có.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thanh H thanh toán cho bà Bùi Thị L 3.000.000 (ba triệu) đồng chi phí định giá tài sản mà bà L đã tạm ứng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2023, ông Lê Thanh H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 01/12/2023, ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H ly hôn.

Về con chung: Giao con chung Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016 cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Thanh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H xác định vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

- Xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74.

- Số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngày 09/11/2022, ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022.

Ông Lê Thanh H và bà Bùi Thị L đồng ý thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản chung như sau:

- Bà Bùi Thị L được trọn quyền sử dụng đất diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

Bà Bùi Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

- Ông Lê Thanh H được quyền sở hữu toàn bộ số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngày 09/11/2022, ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022 và 01 (Một) xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74.

- Về án phí: Bà Bùi Thị L, ông Lê Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L có xin yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh H về phần tài sản chung trình bày:

Ngày 01/12/2023 trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L đã lập văn bản thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, đã gửi cho Tòa án và Tòa án đã lập biên bản ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L ngày 01/12/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh H trình bày:

Ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L có tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 1529 tờ bản đồ số 18, diện tích đất 75m^2, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

- Xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74 do ông Lê Thanh H đứng tên chủ xe.

- Số tiền gửi tiết kiệm 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam đứng tên ông Lê Thanh H. Ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 01/12/2023, ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L đã thỏa thuận, thống nhất phân chia tài sản chung như sau:

- Ông Lê Thanh H toàn quyền sở hữu số tiền gửi tiết kiệm 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam đứng tên ông Lê Thanh H (Ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022) và 01 (Một) xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74.

- Bà Bùi Thị L được trọn quyền sử dụng đất thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, diện tích đất 75m^2, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo nội dung thỏa thuận ngày 01/12/2023. Bên cạnh đó, ông Lâm Bình K là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh H tham gia phiên tòa cũng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu chứng cứ nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 553/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có thông báo về việc thụ lý vụ án phúc thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và đương sự.

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có Quyết định đưa vụ án ra xét xử gửi cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H và các đương sự.

Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thực hiện việc tống đạt các Quyết định cho các bên đương sự đầy đủ.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 239, 297, 298, 301, 302, 303 và 305 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm.

3. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

- Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về việc giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm:

1. Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:

Ngày 29/8/2023, Tòa án nhân dân Quận Y xét xử và ban hành Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 553/2023/HNGĐ-ST. Ngày 05/9/2023, ông Lê Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân Quận Y. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

2. Về nội dung kháng cáo:

Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H cấp ngày 12/12/2014. Căn cứ Luật hôn nhân và gia đinh năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H là hợp pháp.

Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thỏa thuận của các đương sự ngày 01/12/2023.

Căn cứ thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình giữa bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H ngày 01/12/2023 và biên bản làm việc ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại Tòa án ngày 01/12/2023, có nội dung: Chúng tôi tự nguyện giải quyết toàn bộ vụ án và yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H công nhận như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L ly hôn ông Lê Thanh H.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung cho bà Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con tên Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản chung và phân chia tài sản chung: Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H đồng ý thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản như sau:

Bà Bùi Thị L được trọn quyền sử dụng đất Diện tích 75m^2 thửa đất số 1529, tờ bản số 18, tọa lạc tại xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

Bà Bùi Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 75m^2 thửa đất số 1529, tờ bản số 18, tọa lạc tại xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

Ông Lê Thanh H được quyền sở hữu toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm 1.300.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngày 09/11/2022, ông H đã rút ra ngày 10/11/2022 và 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm sát AAK2 -256.47.

Về án phí: Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H phải chịu theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án giữa bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H ngày 01/12/2023.

Sửa bản án sơ thẩm số 553/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H làm trong hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Lê Thanh H, xét thấy:

Ngày 01/12/2023, ông Lê Thanh H, bà Bùi Thị L thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H ly hôn.

Về con chung: Giao con chung Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016 cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Thanh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H xác định vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

- Xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74.

- Số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngày 09/11/2022, ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022.

Ông Lê Thanh H và bà Bùi Thị L đồng ý thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản chung như sau:

- Bà Bùi Thị L được trọn quyền sử dụng đất diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

Bà Bùi Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

- Ông Lê Thanh H được quyền sở hữu toàn bộ số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngày 09/11/2022, ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022 và 01 (Một) xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74.

Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của ông Lê Thanh H và bà Bùi Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 5, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh H, sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 553/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm (Về tài sản chung): Bà Bùi Thị L, ông Lê Thanh H phải chịu trên giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Thanh H không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Về chi phí tố tụng : Bà Bùi Thị L tự nguyện chịu nên không xem xét.

[7]. Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[8]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, Điều 104, Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh H.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 553/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với ông Lê Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L ly hôn ông Lê Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 152 quyển số 01/2014 ngày 12/12/2014 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H cấp cho bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Một con chung tên Lê Gia P, sinh ngày 07/01/2016.

Giao con chung chưa thành niên tên Lê Gia P cho bà Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị L không yêu cầu ông Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con. Việc giao nhận con chung tên Lê Gia

P do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Sau khi ly hôn, ông Lê Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở ông Lê Thanh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

+ Bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh H xác định vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

- Xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74.

- Số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngày 09/11/2022, ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022.

+ Phân chia tài sản chung:

- Bà Bùi Thị L được trọn quyền sử dụng đất diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

Ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Bùi Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 75m^2 thuộc thửa số 1529 tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã VT, thị xã TU, tỉnh BD (Nay là phường VT, thành phố TU, tỉnh BD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 155379, số vào sổ cấp GCN CT37018 ngày 25/3/2019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh BD cấp, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh BD chỉnh lý biến động ngày 06/8/2019.

- Ông Lê Thanh H được quyền sở hữu toàn bộ số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngày 09/11/2022, ông Lê Thanh H đã rút ra ngày 10/11/2022 và 01 (Một) xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại Vario, biển kiểm soát AAK2 – 256.74.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Bùi Thị L phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012961 ngày 16/02/2023 **c**ủa Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

6. Án phí dân sự sơ thẩm (Về tài sản chung):

- Bà Bùi Thị L phải chịu 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 22.200.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012962 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H. Bà Bùi Thị L phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm ngàn đồng).

- Ông Lê Thanh H phải chịu 52.440.000đ (Năm mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị L tự nguyện chịu, đã nộp xong.

II. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Lê Thanh H không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Lê Thanh H số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0039537 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Chi cục THADS.TP.H;
- TAND.QY, TP.H;
- UBND PX, QY, TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức